TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/**2019/HS-ST
Ngày: 05-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Tòng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Trúc Việt**.

2/ Bà **Phan Thị Thu Thảo.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Ông **Lê Quốc Bảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Tấn V, sinh năm 1994; tại tỉnh Bến Tre;

ĐKTT: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Nghề nghiệp: Không;

Trình độ văn hóa: 6/12;

Con ông Lê Hùng D và bà Nguyễn Thị Đ;

Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:
+ Hà Thái C, sinh năm 1992; (Vắng mặt)
Trú tại: Số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- Người làm chứng:
+ Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; (Vắng mặt)
Trú tại: Số B, ấp Phước T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 21/8/2017, Lê Tấn V đến nhà bà Nguyễn Thị N, tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre hàng xóm của V để sử dụng mạng wifi. Đến khoảng 20 giờ, bà N cùng con dâu tên Hà Thái C và con gái bà N là Nguyễn Thị Bé N khóa cửa nhà để đi chơi, bà N rủ V đi cùng nhưng V không đồng ý và đi về. Một lúc sau, V nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà N lấy trộm tài sản tiêu xài cá nhân và biết nhà bà N khi khóa cửa nhà thường để chìa khóa ngay cửa sổ nên V quay trở lại nhà bà N lấy chìa khóa này mở cửa vào nhà lục soát tìm tài sản, đi vào phòng ngủ của chị C thấy một ngăn tủ bị khóa, V lấy cây kéo để ở nhà sau bà N cạy ngăn tủ ra thấy bên trong có 01 hộp nhựa màu đỏ dùng để đựng vàng, V liền lấy hộp nhựa bỏ vào túi quần đang mặc, đóng ngăn tủ ra ngoài khóa cửa và để chìa khóa ở chỗ cũ đi về nhà. Sau khi về nhà V mở hộp nhựa thấy bên trong có số trang sức gồm: 01 đôi bông tai, 02 chiếc vòng đeo tay, 01 nhẫn đeo tay đều bằng kim loại màu vàng rồi cất giấu trong người. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày bà N, chị Ch, chị N về nhà thì phát hiện bị mất số vàng trên nên trình báo Công an xã. V thấy Công an đến làm việc sợ bị phát hiện nên V chôn hộp nhựa đựng vàng trên dưới đống cát bên hông nhà V. Sau khi được Công an mời làm việc V khai nhận chỗ giấu vàng.

Vật chứng tạm giữ: 01 đôi bông tai, 02 chiếc vòng đeo tay, 01 nhẫn đeo tay.

Ngày 30/11/2017 Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 3 có Thông báo kết quả giám định số 0440/N1.17/TĐ kết luận: 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có khối lượng là 3,8030g là vàng 16K, 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có khối lượng là 8,1682g là vàng 23K, 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng có khối lượng là 2,1461g là vàng 16K, 01 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng có khối lượng là 1,8714g là vàng 23K, 01 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng có khối lượng là 1,8778g là vàng 23K.

Ngày 06/8/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành có Kết luận số 711/ KL- HĐĐG kết luận: 01 vòng đeo tay có khối lượng 3,8030g, vàng 16K có giá trị 2.393.354 đồng, 01 vòng đeo tay có khối lượng 8,1682g, vàng 23K có giá trị 7.569.198 đồng, 01 nhẫn đeo tay có khối lượng 2,1461g, vàng 16K, có giá trị 1.350.612 đồng, 02 chiếc bông tai có tổng khối lượng 3,7492g, vàng 23K có giá trị 3.474.258. Tổng giá trị tài sản: 14.787.422 đồng.

Quá trình điều tra, chị Hà Thái C đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, không có yêu cầu nào khác và xin bãi nại cho V.

Cáo trạng số 14/CT-VKSCT ngày 28/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Lê Tấn V về *"Tội trộm cắp tài sản*" theo quy

định tại điểm khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Lê Tấn V từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 584, 585, 586, 589 BLDS 2015 Ghi nhận chị Hà Thái C đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 106 BLTTHS: Ghi nhận chị Hà Thái C đã nhận lại 01 đôi bông tai, 02 chiếc vòng đeo tay, 01 nhẫn đeo tay

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và người làm chứng. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục phiên tòa do sự vắng mặt nêu trên không ảnh hưởng việc xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người làm chứng đã có lời khai đầy đủ tại gia đoạn điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: vào khoảng 19 giờ, ngày 21/8/2017, tại nhà chị Hà Thái C thuộc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo Lê Tấn V lén lút lấy trộm 01 vòng đeo tay có khối lượng 3,8030g, vàng 16K; 01 vòng đeo tay có khối lượng 8,1682g, vàng 23K; 01 nhẫn đeo tay có khối lượng 2,1461g, vàng 16K; 02 chiếc bông tai có tổng khối lượng 3,7492g, vàng 23K của chị Hà Thái C.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách

nhiệm hình sự đầy đủ. Tại Kết luận số 711/ KL- HĐĐG của Hội đồng định giá huyện Châu Thành kết luận: 01 vòng đeo tay có khối lượng 3,8030g, vàng 16K có giá trị 2.393.354 đồng; 01 vòng đeo tay có khối lượng 8,1682g, vàng 23K có giá trị 7.569.198 đồng; 01 nhẫn đeo tay có khối lượng 2,1461g, vàng 16K, có giá trị 1.350.612 đồng; 02 chiếc bông tai có tổng khối lượng 3,7492g, vàng 23K có giá trị 3.474.258. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: **14.787.422 đồng**.

[4] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Tấn V đã phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo về "Tội trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội.

[5] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[6] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện chỉ nơi cất giấu tài sản để khắc phục hậu quả trả lại cho bị hại; sau khi đi xuất khẩu lao động trở về nước, bị cáo đã đến cơ quan công an để đầu thú; bị hại có yêu cầu bãi nại cho bị cáo được quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009

[7] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Chị Hà Thái C đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[9] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Tấn V bị kết án nên phải chịu án phí là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009:*

Tuyên bố bị cáo **Lê Tấn V** phạm *"Tội trộm cắp tài sản"*;

Xử phạt bị cáo Lê Tấn V **07 (Bảy) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2018.

[2] *Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 106 BLTTHS; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015:*

Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ghi nhận chị Hà Thái C đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác.

[3] *Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Tấn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND X. P (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tòng